

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

CV số : 02/03/2022/CVGT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022

" V/V : Giải trình số liệu Báo cáo  
kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của BC riêng,  
hợp nhất trước và sau kiểm toán".

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HOSE)

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Đơn vị giải trình : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

- Mã chứng khoán : **PMG**

- Phó Tổng Giám đốc : **NGUYỄN VĂN TRUNG**

- Nội dung giải trình : Chênh lệch lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Trên báo cáo riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán

Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đăng ký thay đổi lần thứ 20 cấp ngày 25/09/2020. Chúng tôi xin giải trình số liệu chênh lệch doanh thu và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng, hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán

**BẢNG SO SÁNH SỐ LIỆU TRÊN BÁO CÁO RIÊNG**

Chỉ tiêu	Năm 2021 sau kiểm toán	Năm 2021 trước kiểm toán	Chênh lệch (VNĐ)
1	2	3	4=2-3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,368,302,752,898	1,368,302,752,898	
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV	1,368,302,752,898	1,368,302,752,898	
4. Giá vốn hàng bán	1,334,766,481,262	1,334,766,481,262	
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	33,536,271,636	33,536,271,636	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21,178,033,066	21,178,033,066	
7. Chi phí tài chính	10,539,005,481	10,510,106,050	28,899,431
8. Chi phí bán hàng	3,827,762,174	3,827,762,174	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	53,780,786,807	33,793,298,632	19,987,488,175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(13,433,249,760)	6,583,137,846	(20,016,387,606)
11. Thu nhập khác	7,635,390,190	7,635,390,190	
12. Chi phí khác	4,917,140,916	850,140,916	4,067,000,000
13. Lợi nhuận khác	2,718,249,274	6,785,249,274	(4,067,000,000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10,715,000,486)	13,368,387,120	(24,083,387,606)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,517,896,154	5,714,876,040	(196,979,886)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16,232,896,640)	7,653,511,080	(23,886,407,720)





## BẢNG SO SÁNH SỐ LIỆU TRÊN BÁO CÁO HỢP NHẤT

Stt	CHỈ TIÊU	Năm 2021 sau kiểm toán	Năm 2021 trước kiểm toán	Chênh lệch ch VND
	1	2	3	4=2-3
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,634,328,866,992	1,634,328,866,992	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	67,512,495,555	67,512,495,555	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	1,566,816,371,437	1,566,816,371,437	-
4.	Giá vốn hàng bán	1,330,446,669,757	1,330,446,669,757	-
5.	Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	236,369,701,680	236,369,701,680	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	63,574,188,280	63,574,212,380	(24,100)
7.	Chi phí tài chính	28,020,205,298	27,946,083,398	74,121,900
9.	Chi phí bán hàng	180,547,481,912	180,547,481,912	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	198,377,771,210	160,361,188,826	38,016,582,384
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(107,001,568,460)	(68,910,840,076)	(38,090,728,384)
12.	Thu nhập khác	18,437,867,906	18,437,867,906	-
13.	Chi phí khác	9,439,872,130	5,372,872,130	4,067,000,000
14.	Lợi nhuận khác	8,997,995,776	13,064,995,776	(4,067,000,000)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(98,003,572,684)	(55,845,844,300)	(42,157,728,384)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8,987,180,010	9,184,159,896	(196,979,886)
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,133,800,958	1,128,021,072	5,779,886
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(108,124,553,652)	(66,158,025,268)	(41,966,528,384)
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(61,681,658,705)	(28,585,718,151)	(33,095,940,554)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(46,442,894,947)	(37,572,307,117)	(8,870,587,830)

Trong báo cáo riêng và hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán phát sinh thêm khoản trích lập dự phòng nợ phải thu và khoản chi khấu hao vô hình của thương hiệu Công ty không sở hữu vào chi phí khác do kế toán chưa hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác tại báo cáo quý 4 năm 2021. Nên kết quả kinh doanh sau kiểm toán giảm so với báo cáo quý 4 năm 2021

Trên đây là toàn bộ phần giải trình của Công ty chúng tôi  
Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Trung*

